**Mẫu 39**

# (TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THI CÔNG GIẾNG KHAI THÁC**

……………..(1)

**(Đối với công trình thăm dò có quy mô nhỏ hơn 200 m3/ngày đêm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**  *Ký (đóng dấu nếu có)* | **ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO**  *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế.

**HƯỚNG DẪN**

**NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THI CÔNG GIẾNG KHAI THÁC**

**MỞ ĐẦU**

1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ đầu tư công trình thăm dò nước dưới đất *(kèm theo bản sao Quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)*.
2. Khái quát các nội dung cơ bản của công trình dự kiến khai thác, bao gồm: vị trí hành chính, mục đích, chế độ khai thác, tổng lượng nước đề nghị cấp phép.
3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các quy định về khoanh định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.
4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:

Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan)*.

Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo *(các báo cáo, tài liệu điều tra, đánh giá, quan trắc dưới đất đã thực hiện tại khu vực thăm dò…)*; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

1. **Kết quả thi công thăm dò, lắp đặt giếng khai thác**
   1. Trình bày các nội dung, thông tin, số liệu về việc thi công các hạng mục thăm dò.
      1. Thuyết minh nội dung, phương pháp, thời gian, trình tự thực hiện, kết quả thi công từng hạng mục công tác *(khoan, bơm, lấy và phân tích mẫu nước..);*
      2. Đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và mức độ hoàn thành về nội dung, khối lượng, chất lượng từng hạng mục công tác *(khoan, bơm, lấy và phân tích mẫu nước..)* so với phê duyệt;
      3. Thuyết minh các nội dung, khối lượng thay đổi, điều chỉnh của từng hạng mục công tác *(nếu có)* so với phê duyệt.
   2. Kết quả thăm dò
      1. Mô tả địa tầng tại các giếng khoan thăm dò, gồm: chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần của các lớp đất đá khoan qua;
      2. Mô tả cấu trúc hoàn công của các giếng khoan, gồm: chiều sâu, đường kính, chiều dài các đoạn ống chống, ống lọc, ống lắng.

*Đính kèm Bản vẽ hoàn công cột địa tầng và cấu trúc giếng khoan.*

* + 1. Thuyết minh công tác bơm nước thí nghiệm tại từng giếng, bao gồm: mực nước tĩnh trước khi bơm, lưu lượng bơm, mực nước động và hạ thấp mực nước, thời gian bơm và thời gian hồi phục mực nước sau khi dừng bơm; lập đồ thị kết quả bơm nước thí nghiệm và lựa chọn lưu lượng khai thác;
    2. Tổng hợp kết quả phân tích mẫu nước, đánh giá chất lượng nước theo quy chuẩn chất lượng nước ngầm.
  1. Tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu thăm dò và lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng thăm dò đã thực hiện.

Bảng Tổng hợp khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng phê duyệt** | **Khối lượng thực hiện** | **Đánh giá (%)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

1. **Dự báo ảnh hưởng của việc khai thác đến công trình khai thác khác và thiết kế phương án khai thác nước dưới đất**
   1. Dự báo ảnh hưởng của việc khai thác đến công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động.

Dự báo, đánh giá ảnh hưởng của việc khai thác nước dưới đất tại công trình đến lưu lượng, mực nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động nằm trong phạm vi bán kính 200 m xung quanh công trình.

* 1. Phương án khai thác nước dưới đất tại công trình.
     1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích sử dụng nước theo từng giai đoạn trong thời gian đề nghị cấp phép;
     2. Thuyết minh các thông số khai thác của từng giếng, gồm: tọa độ, chiều sâu đặt ống lọc, lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước khai thác của từng giếng và khoảng cách giữa chúng *(kèm theo sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất)*.

Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất phải thể hiện được các thông tin chính gồm: các thông tin về *ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư, vị trí, các thông số chính của công trình khai thác nước dưới đất, các công trình khai thác đang hoạt động khu vực xung quanh (sơ đồ khổ giấy A4 hoặc A3 kèm theo báo cáo).*

* 1. Thuyết minh phương án lắp đặt thiết bị quan trắc tại công trình khai thác, công trình quan trắc và phương án bố trí nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất.
  2. Thuyết minh cơ sở xác định phạm vi ranh giới các vùng bảo hộ vệ sinh và các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác.

# KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác nước.
2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép *(về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu cung cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung trong Báo cáo)*.

**Mẫu 40**

# (TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO**

**HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

………………..(1)

**(Trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động)**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**  *Ký (đóng dấu nếu có)* | **ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO**  *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

(1) Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác.

# HƯỚNG DẪN NỘI DUNG

**BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

1. **ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ QUY MÔ TỪ 200m3/NGÀY ĐÊM TRỞ LÊN**

# MỞ ĐẦU

* 1. Tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ công trình khai thác nước dưới đất *(kèm theo bản sao Quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).*
  2. Khái quát các thông số cơ bản của công trình khai thác nước dưới đất, gồm: vị trí hành chính, loại hình công trình, mục đích khai thác; đối tượng, phạm vi cấp nước; năm xây dựng và vận hành công trình; tổng số giếng khoan *(giếng đào/hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động)*, tổng lưu lượng khai thác của công trình, tầng chứa nước khai thác.
  3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các quy định về khoanh định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.
  4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:
     + Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan)*.
     + Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo *(các báo cáo, tài liệu điều tra, đánh giá, quan trắc dưới đất đã thực hiện tại khu vực khai thác…)*; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

*Đính kèm sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất trong đó thể hiện rõ: Vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°), ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư, vị trí; các thông số chính của công trình khai thác nước dưới đất; công trình khai thác khác và các nguồn thải trong phạm vi vùng ảnh hưởng.*

**Chương I**

# ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC VÀ HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT, HIỆN TRẠNG CÁC NGUỒN THẢI

1. **Đặc điểm nguồn nước dưới đất**
   1. Đặc điểm của các tầng chứa nước

Mô tả các đặc điểm, đặc trưng của các tầng chứa nước trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình, gồm các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân

bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước.

Đối với tầng chứa nước dự kiến khai thác: mô tả các đặc điểm nguồn cấp, miền cấp, miền thoát, quan hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và khả năng khai thác của công trình.

* 1. Đặc điểm của các tầng cách nước

Mô tả các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, tính chất thấm nước và cách nước.

* 1. Đặc điểm chất lượng nước

Mô tả đặc điểm chất lượng nước, tình hình ô nhiễm, nhiễm mặn của các tầng chứa nước.

Đối với tầng chứa nước dự kiến khai thác: Đánh giá chất lượng nước theo Quy chuẩn về chất lượng nước ngầm.

* 1. Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3.000 m3/ngày đêm trở lên: Thuyết minh sơ đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò *đính kèm sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn và các mặt cắt kèm theo*.

1. **Hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải trong khu vực khai thác**
   1. Tính toán phạm vi ảnh hưởng của công trình

Thuyết minh phương pháp và kết quả tính toán phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình khai thác nước dưới đất và khoanh định trên sơ đồ khu vực vị trí công trình khai thác.

* 1. Hiện trạng khai thác nước dưới đất

Hiện trạng khai thác nước dưới đất trong phạm vi ảnh hưởng của công trình khai thác theo bảng tổng hợp sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình/ số hiệu giếng** | **Vị trí hành chính** | **Tọa độ (X,Y)** | **Chiều sâu giếng (m)** | **Lưu lượng**  **(m3/ngày đêm)** | **Mực nước động khai thác lớn nhất**  **(m)** | **Tầng chứa nước khai thác** | **Khoảng cách đến khu vực khai thác (m)** | **Tình trạng cấp phép (số giấy**  **phép cấp.. nếu có)** |
| I | Tên công  trình |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Số hiệu  giếng ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình/ số hiệu giếng** | **Vị trí hành chính** | **Tọa độ (X,Y)** | **Chiều sâu giếng (m)** | **Lưu lượng**  **(m3/ngày đêm)** | **Mực nước động khai thác lớn**  **nhất (m)** | **Tầng chứa nước khai thác** | **Khoảng cách đến khu vực khai thác (m)** | **Tình trạng cấp phép (số giấy**  **phép cấp.. nếu có)** |
| Tổng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

* 1. Hiện trạng các nguồn thải trong khu vực khai thác

Thống kê, tổng hợp các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm (bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang, kho chứa hóa chất, các nguồn nước mặt bị ô nhiễm) trong phạm vi vùng ảnh hưởng, gồm các thông tin về vị trí, quy mô, và khoảng cách đến công trình thăm dò nước dưới đất.

**Chương II**

# HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH

**VÀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

1. **Hiện trạng công trình khai thác**
   1. Hiện trạng công trình

Trình bày các thông tin về: chiều sâu, kết cấu, tình trạng hoạt động của từng loại hình khai thác và khoảng cách giữa chúng.

*Đính kèm Bản vẽ cấu trúc công trình khai thác (giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang,...).*

* 1. Công tác quan trắc, giám sát quá trình khai thác

Thuyết minh công tác quan trắc trong quá trình khai thác, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị, nhân lực quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình khai thác.

* 1. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt

Thuyết minh các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác gồm các nội dung chính: giới hạn, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh; tình hình chấp hành các quy định trong vùng bảo hộ vệ sinh *(đối với trường hợp khai thác nước cho sinh hoạt).*

1. **Tình hình khai thác nước tại công trình**
   1. Tổng quan tình hình khai thác

Thuyết minh tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các thông tin: năm bắt đầu khai thác; tổng lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ kèm biểu đồ khai thác nước dưới đất; các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác (nếu có).

* 1. Diễn biến khai thác tại công trình
     1. Diễn biến lưu lượng

Tổng hợp diễn biến lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ của công trình theo bảng tổng hợp sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/Năm** | **Tổng lưu lượng (m3/ngày)** | | | **Lưu lượng cấp phép theo giấy phép**  **đã được cấp (m3/ngày)** |
| **Nhỏ nhất** | **Lớn nhất** | **Trung bình** |
| Năm.... |  |  |  |  |
| T1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| Nhỏ nhất |  |  |  |  |
| Lớn nhất |  |  |  |  |
| Trung bình |  |  |  |  |

* + 1. Diễn biến mực nước

Tổng hợp diễn biến mực nước khai thác qua từng thời kỳ của các loại hình công trình theo bảng tổng hợp sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/Năm** | **Mực nước (giếng khai thác số ..., m)** | | | |
| **Nhỏ nhất** | **Lớn nhất** | **Trung bình** | **Mực nước động lớn nhất cho phép theo giấy phép**  **đã được cấp (m)** |
| Năm.... |  |  |  |  |
| T1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| Nhỏ nhất |  |  |  |  |
| Lớn nhất |  |  |  |  |
| Trung bình |  |  |  |  |

Kèm theo biểu đồ, đồ thị diễn biến lưu lượng, mực nước khai thác tại từng loại hình công trình và đánh giá diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác lớn nhất và nhỏ nhất qua từng thời kỳ.

*Đính kèm Bảng tổng hợp lưu lượng, mực nước theo ngày đêm của từng giếng (giếng khoan, giếng đào, mạch lộ…) trong 3 - 5 năm gần nhất đến thời điểm đề nghị cấp phép.*

* + 1. Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác tại công trình theo quy chuẩn về chất lượng nước ngầm.
  1. Đánh giá tình hình chấp hành các quy định của giấy phép đã được cấp.

**Chương III**

# TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH KHAI THÁC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRONG THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

1. **Tác động của việc khai thác nước dưới đất tại công trình đến nguồn nước, môi trường, các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động**
   1. Đánh giá tác động của công trình đến sự suy giảm mực nước, trữ lượng nguồn nước dưới đất khu vực khai thác.
   2. Đánh giá tác động của công trình đến khả năng sụt lún đất, ô nhiễm, xâm nhập mặn vào các tầng chứa nước khu vực khai thác.
   3. Đánh giá tác động của công trình đến sự suy giảm lưu lượng, mực nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động trong phạm vi vùng ảnh hưởng.
   4. Thuyết minh các phương án, biện pháp giảm thiểu các tác động do công trình khai thác gây ra đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động; giải pháp, phương án ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố trong quá trình khai thác.
2. **Tính toán dự báo hạ thấp mực nước, kế hoạch, phương án khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép**
   1. Mực nước động lớn nhất cho phép:

Thuyết minh, lựa chọn mực nước động lớn nhất cho phép tại từng loại hình công trình khai thác.

* 1. Tính toán dự báo hạ thấp mực nước
     1. Đối với công trình quy mô từ 3.000 m3/ngày đêm trở lên

Thuyết minh việc tính toán dự báo hạ thấp mực nước tại công trình khai thác, bao gồm các nội dung: lựa chọn phương pháp tính trữ lượng; thông số địa chất thủy văn tính toán; tính toán dự báo hạ thấp mực nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép, trong đó có tính đến ảnh hưởng can nhiễu của các công trình khai thác nước dưới đất khác nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình.

* + 1. Đối với công trình có quy mô từ 200 m3/ngày đêm đến 3.000 m3/ngày đêm Thuyết minh việc tính toán dự báo hạ thấp mực nước, bao gồm các nội

dung: lập đồ thị quan hệ giữa lưu lượng, mực nước khai thác tại từng giếng và

dự báo hạ thấp mực nước theo đồ thị.

* + 1. Đánh giá kết quả tính toán dự báo so với mực nước động lớn nhất cho phép trong việc khai thác nước dưới đất theo thời gian đề nghị cấp phép.
  1. Trình bày kế hoạch, phương án khai thác nước dưới đất trong thời gian đề nghị cấp phép
     1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích khai thác nước, các thông số của công trình, gồm các thông tin: tọa độ (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3o)*, lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước, chiều sâu đặt ống lọc của từng loại hình công trình khai thác trong thời gian đề nghị cấp phép.
     2. Trình bày phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép; phương án bố trí thiết bị,

nhân lực quan trắc hoặc hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện việc quan trắc; việc bổ sung công trình quan trắc *(nếu có)*.

* + 1. Luận chứng thiết lập mới hoặc bổ sung các vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt và các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác *(nếu chưa có).*

# KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác nước.
2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép *(về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu cung cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung trình bày trong Báo cáo)*
3. **ĐỐI VỚI CÔNG TRÌNH CÓ QUY MÔ NHỎ HƠN 200 m3/NGÀY ĐÊM**

# MỞ ĐẦU

* 1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ công trình khai thác nước dưới đất *(kèm theo bản sao Quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).*
  2. Thuyết minh các thông tin cơ bản của công trình khai thác nước dưới đất, gồm: vị trí hành chính, mục đích khai thác, năm xây dựng và vận hành công trình, tổng số loại hình công trình *(giếng đào/hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động)*, tổng lưu lượng khai thác của công trình; tầng chứa nước khai thác.
  3. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các quy định về khoanh định vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất và các quy định có liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.
  4. Thuyết minh căn cứ lập Báo cáo:
     + Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý liên quan đến việc khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân *(kèm theo các văn bản pháp lý, tài liệu có liên quan)*.
     + Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập Báo cáo *(các báo cáo, tài liệu điều tra, đánh giá, quan trắc dưới đất đã thực hiện tại khu vực khai thác…)*; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

1. **Hiện trạng công trình và tình hình khai thác nước dưới đất**
   1. Hiện trạng công trình khai thác
      1. Trình bày các thông tin về: chiều sâu, kết cấu, tình trạng hoạt động của từng loại hình khai thác và khoảng cách giữa chúng.

*Đính kèm sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất trong đó thể hiện rõ: Vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°), ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư; các thông số chính của công trình khai thác nước dưới đất; công trình khai thác khác trong phạm vi bán kính 200 m.*

* + 1. Thuyết minh công tác quan trắc trong quá trình khai thác, gồm các thông tin: thông số, chế độ quan trắc, thiết bị, nhân lực quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình khai thác.
    2. Thuyết minh các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác gồm các nội dung chính: giới hạn, phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh; tình hình chấp hành các quy định trong vùng bảo hộ vệ sinh *(đối với trường hợp khai thác nước cho sinh hoạt).*
  1. Tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình:
     1. Tổng quan tình hình khai thác

Thuyết minh tình hình khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các thông tin chủ yếu: năm bắt đầu khai thác; tổng lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ và hiện tại kèm biểu đồ khai thác nước dưới đất; các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác (nếu có).

* + 1. Diễn biến lưu lượng khai thác tại công trình:

Tổng hợp diễn biến lưu lượng khai thác qua từng thời kỳ của công trình theo bảng tổng hợp sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/Năm** | **Tổng lưu lượng (m3/ngày đêm)** | | | **Lưu lượng cấp phép theo giấy phép đã được cấp**  **(m3/ngày đêm)** |
| **Nhỏ nhất** | **Lớn nhất** | **Trung bình** |
| Năm.... |  |  |  |  |
| T1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| Nhỏ nhất |  |  |  |  |
| Lớn nhất |  |  |  |  |
| Trung bình |  |  |  |  |

* + 1. Diễn biến mực nước tại công trình

Tổng hợp diễn biến mực nước khai thác qua từng thời kỳ của các loại hình công trình theo bảng tổng hợp sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/Năm** | **Mực nước (giếng khai thác số ..., m)** | | | |
| **Nhỏ nhất** | **Lớn nhất** | **Trung bình** | **Mực nước động lớn nhất cho phép theo giấy phép đã được cấp (m)** |
| Năm.... |  |  |  |  |
| T1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| Nhỏ nhất |  |  |  |  |
| Lớn nhất |  |  |  |  |
| Trung bình |  |  |  |  |

Kèm theo biểu đồ, đồ thị diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác tại từng loại hình công trình và đánh giá diễn biến mực nước, lưu lượng khai thác lớn nhất và nhỏ nhất qua từng thời kỳ.

* + 1. Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác tại công trình theo quy chuẩn về chất lượng nước ngầm (nếu có).

1. **Kế hoạch khai thác, sử dụng nước dưới đất trong thời gian đề nghị cấp phép**
   1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích khai thác nước, các thông số của công trình, gồm các thông tin: tọa độ *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục, múi chiếu 3°)*, lưu lượng, mực nước động, tầng chứa nước, chiều sâu đặt ống lọc của từng loại hình công trình khai thác trong thời gian đề nghị cấp phép.

*Đính kèm Bản vẽ cấu trúc công trình khai thác (giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang,...)*

* 1. Trình bày phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép; phương án bố trí thiết bị, nhân lực quan trắc hoặc hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện việc quan trắc; việc bổ sung công trình quan trắc *(nếu có)*.
  2. Thiết lập hoặc bổ sung các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác và bổ sung quy định nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình *(nếu chưa có)*.

# KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác nước.
2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép *(về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu cung cấp và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các nội dung trình bày trong Báo cáo)*.
   1. **Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m3/ngày đêm**

## Trình tự thực hiện:

* *Bước 1: Nộp hồ sơ:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Bộ phận Một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp địa phương chưa thành lập Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công), sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa.

* *Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:*

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định.

* *Bước 3: Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:*

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

## Cách thức thực hiện:

* *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính viễn thông hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại cổng dịch vụ công đến Bộ phận Một cửa.
* *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Bộ phận Một cửa trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.
  + 1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:*** 01 bộ hồ sơ
* Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép theo Mẫu 04, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP
* Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép theo Mẫu 41, Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.
* Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất (trừ trường hợp gia hạn giấy phép khai thác nước dưới đất).
  + 1. ***Thời hạn giải quyết:*** 38 ngày
* *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
* *Thời hạn thẩm định báo cáo:* Trong thời hạn 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.
* *Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo* không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.

***đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân.

## Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

* *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
* *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

## Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất theo Mẫu 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

1. ***Phí thẩm định:*** do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

## Tên mẫu đơn, báo cáo, giấy phép:

* Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất theo

*Mẫu 04 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.*

* Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép theo *Mẫu 41 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.*
* Giấy phép khai thác nước dưới đất *(gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) theo Mẫu 22 Phụ lục I Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.*

## Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* *Đối với trường hợp gia hạn giấy phép*

+ Việc gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất phải căn cứ vào các quy định tại Điều 55, Điều 56 và Điều 57 của Luật Tài nguyên nước.

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép phải nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất 45 ngày;

+ Đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp;

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

* *Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép*

+ Trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép điều chỉnh là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

+ Trường hợp ngoài việc điều chỉnh giấy phép, nếu giấy phép thuộc trường hợp cấp lại thì chủ giấy phép thể hiện rõ trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép. Việc cấp lại được xem xét đồng thời trong quá trình điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP.

## Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

* Luật Tài nguyên nước năm 2023.
* Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.